| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN SƠN DƯƠNG**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **29**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21/4/2025
*V/v: "Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Tạ Hồng Chiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Vượng và ông Hoàng Văn Hùng.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Thị Hiền Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21/4/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 573/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20/12/2024 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 31/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lâm Thị T, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Vũ Trọng O.**, sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị T và anh Vũ Trọng O. kết hôn với nhau vào năm 2021, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 26/5/2021 tại Ủy ban nhân dân xã H1 (nay UBND xã H), huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại Uỷ ban nhân dân xã H1 (nay UBND xã H), huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm việc tại thôn G, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn,

tháng 12 năm 2024 Chị Lâm Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Trọng O..

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Lâm Thị T trình bày*: Nguyên nhân mâu thẫn là do trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, suy nghĩ không còn hiểu nhau, anh O. ham chơi, thiếu trách nhiệm không quan tâm tới vợ con dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, nói nhau... mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, đời sống chung không có hạnh phúc. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Toà án nhân dân huyên Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Trọng O..

- Về con chung: Chị Lâm Thị T xác định có 01 người con chung là Vũ Uyển N, sinh ngày 14/1/2021. Quá trình giải quyết chị T có quan điểm nhận là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhi, chị không yêu cầu anh O. cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Lâm Thị T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Lâm Thị T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

*Kết quả xác minh thể hiện*: Chị Lâm Thị T và anh Vũ Trọng O. đều có hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị T và anh O. kết hôn với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1 (nay UBND xã H), huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn G, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cùng với gia đình nhà anh Vũ Trọng O.. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không còn hiểu nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống không còn lòng tin vào nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không thành.

Anh Vũ Trọng O. làm lao động tự do và đang đi làm ăn xa ở trong miền nam, không có mặt tại địa phương. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh O. vẫn không đến Toà án làm việc. Do vậy Toà án nhân dân huyện Sơn Dương chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn anh Vũ Trọng O. không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Chị Lâm Thị T và anh Vũ Trọng O. kết hôn vào năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1 (nay UBND xã H), huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Do vậy, căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử cho Chị

Lâm Thị T được ly hôn với anh Vũ Trọng O.; giao cháu Vũ Uyển N, sinh ngày 14/1/2021 cho Chị Lâm Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về tài sản chung, về vay nợ chung: Chị Lâm Thị T đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện Chị Lâm Thị T đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Trọng O. và giao nuôi con chung khi ly hôn; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là *"Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh Vũ Trọng O. nhiều lần nhưng anh O. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên toà, nguyên đơn Chị Lâm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vũ Trọng O. vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị T và anh Vũ Trọng O. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1 (nay UBND xã H), huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 26/5/2021 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn. Tháng 12 năm 2024 Chị Lâm Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Trọng O..

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của Chị Lâm Thị T và anh Vũ Trọng O. có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc nên xác định hôn nhân của chị T anh O. đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Chị Lâm Thị T được ly hôn với anh Vũ Trọng O..

2.2. Về con chung: Chị Lâm Thị T và anh Vũ Trọng O. có 01 con chung là Vũ Uyển N, sinh ngày 14/1/2021.

Xét thấy, cháu Vũ Uyển N là con chung của Chị Lâm Thị T và anh Vũ Trọng O. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Tuy nhiên, do anh O. không có mặt ở địa phương, quá trình giải quyết chị T có quan điểm được trực tiếp

trông nom, chăm sóc cháu Nhi, không yêu cầu anh O. phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu Vũ Uyển N, sinh ngày 14/1/2021 cho Chị Lâm Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Vũ Trọng O. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Lâm Thị T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Chị Lâm Thị T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lâm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Lâm Thị T được ly hôn với anh Vũ Trọng O..

*(Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại Uỷ ban nhân dân xã H1 (nay UBND xã H), huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).*

**2**. Về con chung: Giao cháu Vũ Uyển N, sinh ngày 14/1/2021 cho Chị Lâm Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Vũ Trọng O. không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3.** Về án phí: Chị Lâm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002511394, ngày 20/12/2024 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0001678 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lâm Thị T đã nộp đủ án phí của vụ án.

**4**. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận***
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- T.H.A dân sự huyện SD;
- UBND xã H (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Tạ Hồng Chiến**